

Số: 19 /NQ-HĐND

P. Phan Đình Phùng, ngày 07 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
phường Phan Đình Phùng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG
KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch - tài chính ngân sách 03 năm 2025 - 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao phân bổ dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc thông qua phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường Phan Đình Phùng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường Phan Đình Phùng cụ thể như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 2.083,063 tỷ đồng (Hai nghìn không trăm tám mươi ba tỷ không trăm sáu mươi ba triệu đồng).

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 584,062 tỷ đồng (Năm trăm tám mươi tư tỷ không trăm sáu mươi hai triệu đồng) trong đó:

- Bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 64,969 tỷ đồng.
- Bổ sung có mục tiêu: 506,419 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 12,675 tỷ đồng.

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 584,062 tỷ đồng (Năm trăm tám mươi tư tỷ không trăm sáu mươi hai triệu đồng) trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 240,091 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên: 339,331 tỷ đồng.
- Dự phòng ngân sách: 1,477 tỷ đồng.
- Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương: 3,164 tỷ đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân phường phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường Phan Đình Phùng theo đúng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường và quy định của pháp luật; đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, hai Ban của Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường, đại biểu Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025./. *Biên*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo UBND tỉnh (báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy phường (báo cáo);
- Thường trực HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Hai Ban HĐND phường;
- Ủy ban MTTQ phường;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường;
- Các Tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, VP. *VP*

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Lý

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **19** /NQ-HĐND ngày **01** tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	584.062.000	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp		
-	Thu NSDP hưởng 100%		
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	571.388.000	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	64.969.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	506.419.000	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		
IV	Thu kết dư		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	12.675.000	
B	TỔNG CHI NSDP	584.062.000	
I	Tổng chi cân đối NSDP	584.062.000	
1	Chi đầu tư phát triển	240.091.000	
2	Chi thường xuyên	339.331.000	
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		
5	Dự phòng ngân sách	1.477.000	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.164.000	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **19** /NQ-HĐND ngày **07** tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Ghi chú
A	B	1	2
	TỔNG THU NSNN	2.083.063.000	
I	Thu nội địa	2.083.063.000	
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	2.800.000	
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	910.000	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	238.770.000	
5	Thuế thu nhập cá nhân	118.105.000	
6	Thuế bảo vệ môi trường		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu		
7	Lệ phí trước bạ	75.880.000	
8	Thu phí, lệ phí	16.604.000	
-	Phí và lệ phí trung ương		
-	Phí và lệ phí tỉnh		
-	Phí và lệ phí huyện		
-	Phí và lệ phí xã, phường		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.388.000	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	119.714.000	
12	Thu tiền sử dụng đất	1.354.000.000	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	13.200.000	
16	Thu khác ngân sách	134.992.000	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	700.000	
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức		
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước		
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước		
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu		
IV	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: **19** /NQ-HĐND ngày **07** tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
	TỔNG CHI NSDP	584.062.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	584.062.000	
I	Chi đầu tư phát triển (1)	240.091.000	
1	Chi đầu tư cho các dự án	240.091.000	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>		
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	8.235.000	
-	Chi khoa học và công nghệ		
-	Chi quốc phòng		
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		
-	Chi y tế, dân số và gia đình		
-	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	380.000	
-	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao		
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		
-	Chi bảo vệ môi trường	2.000.000	
-	Chi các hoạt động kinh tế	226.217.000	
+	<i>Chi giao thông vận tải</i>	<i>39.028.000</i>	
+	<i>Chi các hoạt động kinh tế khác</i>	<i>187.189.000</i>	
-	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.094.000	
-	Chi đảm bảo xã hội	786.000	
-	Chi đầu tư chưa phân bổ	379.000	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	<i>240.091.000</i>	
-	<i>Nguồn ngân sách tỉnh</i>	<i>240.091.000</i>	
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
3	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	339.331.000	
	<i>Trong đó:</i>		
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	266.328.000	
2	Chi khoa học và công nghệ	-	
3	Chi quốc phòng	1.280.993	
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.366.900	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	-	
6	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	3.818.851	
7	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	430.000	
8	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	
9	Chi bảo vệ môi trường	-	
10	Chi các hoạt động kinh tế	153.913	
11	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	24.138.672	
12	Chi đảm bảo xã hội	3.000.000	
13	Chi thường xuyên khác	590.971,02	
14	Chi 6 tháng đầu năm 2025 các phường trước khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập quyết toán vào VP HĐND và UBND phường	37.222.699,98	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		
V	Dự phòng ngân sách	1.477.000	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.164.000	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: **19** /NQ-HĐND ngày **07** tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng)

[illegible]

[illegible]

DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
LĨNH VỰC: SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ

(Kèm theo Nghị quyết số: **19** /NQ-HĐND ngày **07** tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025			Ghi chú
		Tổng số dự toán chi NSNN	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ	
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ	266.328.000	209.854.664	54.188.367	
A	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	2.082.330			
I	Trung tâm chính trị	2.082.330			
1	Chi bộ máy	624.330			
2	Chi đào tạo và đào tạo lại	1.458.000			
B	Sự nghiệp giáo dục	264.043.031	209.854.664	54.188.367	
I	Khối mầm non	68.268.821	50.683.645	17.585.176	
1	MN 19/5 TP	13.819.742	11.196.662	2.623.080	
2	MN Đại học Sư Phạm	3.384.290	2.554.515	829.775	
3	MN Đồng Quang	7.401.868	5.461.794	1.940.074	
4	MN Liên cơ Thành phố	8.548.873	6.100.861	2.448.012	
5	MN Phan Đình Phùng	7.173.894	5.017.281	2.156.613	
6	MN Quang Trung	9.213.389	6.410.273	2.803.116	
7	MN Tân Thịnh	5.492.337	4.125.565	1.366.772	
8	MN Trung Vương	5.855.271	4.282.432	1.572.839	
9	MN Túc Duyên	7.379.157	5.534.262	1.844.895	
II	Khối tiểu học	109.016.003	90.268.967	18.747.036	
1	TH Đội Cấn 1	11.730.480	9.297.871	2.432.609	
2	TH Đội Cấn 2	10.687.733	8.798.796	1.888.937	
3	TH Đồng Quang	9.589.345	7.621.577	1.967.768	
4	TH Lê Văn Tám	11.641.033	9.864.106	1.776.927	
5	TH Nguyễn Huệ	11.416.106	9.260.168	2.155.938	
6	TH Nguyễn Viết Xuân	13.296.695	11.512.369	1.784.326	
7	TH Nha Trang	12.971.621	10.943.136	2.028.485	
8	TH Thống Nhất	7.332.049	5.975.505	1.356.544	

STT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025			Ghi chú
		Tổng số dự toán chi NSNN	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ	
9	TH Trung Vương	11.730.940	9.773.254	1.957.686	
10	TH Túc Duyên	8.620.001	7.222.185	1.397.816	
III	Cấp THCS	86.758.207	68.902.052	17.856.155	
1	THCS Chu Văn An	13.782.053	11.103.111	2.678.942	
2	THCS Đồng Quang	6.638.974	5.304.421	1.334.553	
3	THCS Nguyễn Du	13.087.529	10.464.480	2.623.049	
4	THCS Nha Trang	16.935.649	13.538.609	3.397.040	
5	THCS Quang Trung	12.524.123	10.209.228	2.314.895	
6	THCS Tân Thịnh	8.543.737	6.819.633	1.724.104	
7	THCS Trung Vương	7.620.655	5.637.481	1.983.174	
8	THCS Túc Duyên	7.625.487	5.825.089	1.800.398	
C	Trung tâm học tập cộng đồng	202.639			
1	Phòng Văn hoá - Xã hội	202.639			

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
LĨNH VỰC: CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

(Kèm theo Nghị quyết số: **19** /NQ-HĐND ngày **07** tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025			Ghi chú
		Tổng số	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ	
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ	61.952.343	10.888.794	51.063.549	
I	Khối quản lý nhà nước	50.668.776,98	7.110.461	43.558.316	
1	Văn phòng HĐND & UBND	44.800.806,98	3.418.021	41.382.785,98	Kinh phí 07 phường trước sắp xếp, sắp nhập quyết toán vào VP HĐND & UBND phường: 37.222.699,98nd
2	Phòng Văn hoá - Xã hội	3.175.452	1.793.993	1.381.459	
3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1.867.931	1.396.694	471.237	
4	Trung tâm hành chính công	824.587	501.753	322.834	
II	Khối Đảng	5.853.361	2.546.513	3.306.848	
1	Văn phòng Đảng ủy	5.853.361	2.546.513	3.306.848	Đã bao gồm kinh phí ĐH Đảng 818tr
III	Khối Đoàn thể	4.839.234	1.231.820	3.607.414	
1	Cơ quan UBMT tổ quốc Việt Nam	4.839.234	1.231.820	3.607.414	
IV	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, đề án năm 2025...	590.971,02		590.971,02	

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
LĨNH VỰC: CHI SỰ NGHIỆP VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

(Kèm theo Nghị quyết số **19** /NQ-HĐND ngày **07** tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	11.050.657	
I	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	3.818.851	
1	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	800.000	
2	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	3.018.851	
II	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	430.000	
III	Chi các hoạt động kinh tế	153.913	
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	53.913	Chi công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất
2	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	100.000	Chi công tác quy hoạch
IV	Chi quốc phòng	1.280.993	
1	Chi quốc phòng	16.000	
2	Văn phòng HĐND & UBND	1.264.993	
V	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.366.900	
1	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	230.000	
2	Văn phòng HĐND & UBND	2.136.900	
VI	Chi đảm bảo xã hội	3.000.000	
1	Phòng Văn hoá - Xã hội	3.000.000	